

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 01 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **HOÀNG THỊ PHƯƠNG**; Ngày tháng năm sinh: **22/6/1982**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Giang Biên, quận Long Biên.**
- Nơi thường trú: **Tổ 9, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001082012131**

Ngày cấp: **21/4/2021**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **TRỊNH ĐÌNH PHƯƠNG**; Ngày tháng năm sinh: **05/9/1980**
- Nghề nghiệp: **Kinh doanh**
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: **Tổ 7, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**
- Nơi thường trú: **Tổ 9, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **001080009761**

Ngày cấp: **21/4/2021;**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Trịnh Phương Linh** Ngày tháng năm sinh: **25/11/2007**
- Nơi thường trú: **Tổ 9, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001307054020**

Ngày cấp: **25/4/2022;**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **Trịnh Gia Huy** Ngày tháng năm sinh: **14/7/2011**
- Nơi thường trú: **Tổ 9, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**



- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: *Không*

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thừa nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: *Tổ 9 - Phường Đức Giang - Quận Long Biên - thành phố Hà Nội.*

- Diện tích: *92 m²*

- Giá trị⁽¹⁰⁾: *3.680.000.000 đồng (Ba tỷ, Sáu trăm tám mươi triệu đồng)*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: *Số 10119030203* Ngày cấp: *27/12/2000*; Nơi cấp: *UBND thành phố Hà Nội*; Người đứng tên: *Trịnh Đình Phương*;

- Thông tin khác (nếu có): *Hiện chưa sử dụng để không.*

1.1.2. Thừa thừa hai:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: *Tổ 5 - Phường Giang Biên - Quận Long Biên - thành phố Hà Nội.*

- Diện tích: *75 m²*

- Giá trị⁽¹⁰⁾: *2.250.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng)*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: *Số AN515968*; Ngày cấp: *31/7/2008*; Nơi cấp: *UBND quận Long Biên*; Người đứng tên: *Nguyễn Thị Hương và Trịnh Văn Minh.*

- Thông tin khác (nếu có): *Ở trên thừa đất của bố mẹ chồng.*

1.2. Các loại đất khác: ⁽¹³⁾ *Không*

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thừa nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: *Số 1, tổ 9, Phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội*

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: *124.6 m² (62,3m² x2 tầng)*

- Giá trị⁽¹⁰⁾: *Không xác định được giá trị vì sử dụng đã lâu*

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: *Số 10119030203* Ngày cấp: *27/12/2000*; Nơi cấp: *UBND thành phố Hà Nội*; Người đứng tên: *Trịnh Đình Phương*;

- Thông tin khác (nếu có): *Hiện chưa sử dụng để không.*

2.1.2. Nhà thừa hai:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: *Tổ 5, Phường Giang Biên, quận Long Biên, TP Hà Nội*

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: *225 m² (75m² x3 tầng)*

Uyuu

- Giá trị⁽¹⁰⁾: **Không xác định được giá trị vì sử dụng đã lâu**
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Số AN515968**; Ngày cấp: **31/7/2008**;
 Nơi cấp: **UBND quận Long Biên**; Người đứng tên: **Nguyễn Thị Hương và**
Trịnh Văn Minh;

- Thông tin khác (nếu có): **Ở nhà của bố mẹ chồng.**

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: **Không**

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: **Không**

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không**

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**

6.1. Cổ phiếu: **Không**

6.2. Trái phiếu: **Không**

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: **Không**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

Tên tài sản: **Xe máy Honda SH125**, **Biển kiểm soát: 29K1 - 502.99** ;
 Giá trị: **70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng chẵn) mua năm 2015.**

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: **211.000.000 đồng**

- Tổng thu nhập của người kê khai: **115.000.000 đồng**

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): **96.000.000 đồng**

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**

Uyển

- Tổng các khoản thu nhập chung: *Không*

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy			

Uyuu

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
		+211.000.000đ	- Thu nhập của người kê khai: 115.000.000 đ - Thu nhập của chồng: 96.000.000 đ

Long Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Hoàng Thị Kim Quy
 CHUYÊN VIÊN PHÒNG NỘI VỤ QUẬN LONG BIÊN

Long Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Phương

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 01 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ NGÂN**; Ngày tháng năm sinh: **11/01/1980**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Giang Biên.**
- Nơi thường trú: **Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001180017143**
- Ngày cấp: **07/5/2021** Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN PHƯƠNG HUY**; Ngày tháng năm sinh: **08/12/1980**
- Nghề nghiệp: **Kế toán**
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: **Công ty KAM, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.**
- Nơi thường trú: **Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001080010119**
- Ngày cấp: **10/5/2021**; Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Nguyễn Minh Hằng** Ngày tháng năm sinh: **15/7/2004**
- Nơi thường trú: **Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001304019349**
- Ngày cấp: **10/5/2021**; Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **Nguyễn Thọ Hiếu**; Ngày tháng năm sinh: **08/6/2007**

- Nơi thường trú: *Xóm Nam, thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội*

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 001207048657

Ngày cấp: 22/11/2021; Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: *Tổ 2 - phường Giang Biên - quận Long Biên - Thành phố Hà Nội*

- Diện tích: 137,3 m²

- Giá trị sử dụng: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: DT 683449; Ngày cấp: 31/12/2021;
Nơi cấp: *Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội*; Người đứng tên: *Nguyễn Thị Ngân*

- Thông tin khác (nếu có): *Hiện chưa sử dụng để không*

1.1.2. Thửa thứ hai:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: *Xóm Nam, thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội*

- Diện tích⁽⁹⁾: 239 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 7.170.000.000 đồng (Bảy tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: *Số 6563/GXN- VPĐKĐDGL*
Ngày cấp: 11/11/2016; Nơi cấp: *Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gia Lâm*;
Người đứng tên: *Nguyễn Thọ Hợp và Nguyễn Thị Hợp*

- Thông tin khác (nếu có): *Đang ở trên thửa đất của bố mẹ chồng*

1.2. Các loại đất khác: ⁽¹³⁾ *Không*

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: *Xóm Nam, thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội*

- Loại nhà: *Nhà ở riêng lẻ*

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 309 m² (103m² x 3 tầng)

- Giá trị⁽¹⁰⁾: *Không xác định được giá trị vì sử dụng đã lâu.*

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Số 6563/GXN- VPĐKĐDGL ;**
 Ngày cấp: **11/11/2016;** Nơi cấp: **Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gia Lâm ;**
 Người đứng tên: **Nguyễn Thọ Hợp và Nguyễn Thị Hợp.**

- Thông tin khác (nếu có): **Đang ở chung nhà với bố mẹ chồng.**

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: **Không**

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: **Không**

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không**

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**

6.1. Cổ phiếu: **Không**

6.2. Trái phiếu: **Không**

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: **Không**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: **Không**

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 290.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 110.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 180.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**

- Tổng các khoản thu nhập chung: **Không**

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		+290.000.000đ	- Thu nhập của người kê khai: 110.000.000đ - Thu nhập của chồng: 180.000.000đ

Long Biên, ngày 07 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Nông Thị Kim Quy
 CHUYÊN VIÊN PHÒNG NỘI VỤ QUẬN LONG BIÊN

Long Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Nguyễn Thị Ngân

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 01 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **VŨ THỊ KIỀU ANH**; Ngày tháng năm sinh: **08/3/1981**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó Hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Giang Biên, quận Long Biên.**
- Nơi thường trú: **Tổ 6, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001181040063**

Ngày cấp: **02/5/2021**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGÔ XUÂN NÚI** Ngày tháng năm sinh: **13/4/1977**
- Nghề nghiệp: **Làm việc tự do**
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: **Tổ 6, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Nơi thường trú: **Tổ 6, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001077044279**

Ngày cấp: **22/11/2021;**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Ngô Kiều Linh** Ngày tháng năm sinh: **08/10/2003**
- Nơi thường trú: **Tổ 6, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001303021505**

Ngày cấp: **21/4/2021**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **Ngô Quỳnh Ngân** Ngày tháng năm sinh: **15/12/2007**

- Nơi thường trú: *Tổ 6, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.*

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: *001307041837*

Ngày cấp: *28/02/2022*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

3.3. Con thứ ba:

- Họ và tên: *Ngô Xuân Khánh*

Ngày tháng năm sinh: *11/10/2023*

- Nơi thường trú: *Tổ 6, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.*

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: *Không*

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: *Tổ 6 - Phường Giang Biên - Quận Long Biên - thành phố Hà Nội.*

- Diện tích: *56.6 m²*

- Giá trị⁽¹⁰⁾: *350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn)*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: *Số CP054469*; Ngày cấp: *24/10/2018*; Nơi cấp: *Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội*; Người đứng tên: *Vũ Thị Kiều Anh*;

- Thông tin khác (nếu có): *Không*

1.2. Các loại đất khác: ⁽¹³⁾ *Không*

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: *Số 35, tổ 6, Phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội*

- Loại nhà: *Nhà ở riêng lẻ*

- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: *120 m² (60m² x 2 tầng)*

- Giá trị⁽¹⁰⁾: *Không xác định được giá trị vì sử dụng đã lâu*

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: *Số CP054469* ; Ngày cấp: *24/10/2018*; Nơi cấp: *Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội* ; Người đứng tên: *Vũ Thị Kiều Anh*;

- Thông tin khác (nếu có): **Không**
- 2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾: **Không**
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾: **Không**
 - 3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾: **Không**
 - 3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾: **Không**
 - 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**
- 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾: **Không**
- 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾: **Không**
- 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):
 - 6.1. Cổ phiếu: **Không**
 - 6.2. Trái phiếu: **Không**
 - 6.3. Vốn góp ⁽²²⁾: **Không**
 - 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾: **Không**
- 7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
 - 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾:
 - Tên tài sản: **Ô tô KIA – Morning**; Số đăng ký: **30A04896**; Giá trị: **430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu) mua năm 2013**; Người đứng tên: **Ngô Xuân Núi**; Mục đích sử dụng: **Lái xe gia đình**
 - 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾: **Không**
- 8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾: **Không**
- 9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾: **Không**
- 10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾: 146.000.000 đồng
 - Tổng thu nhập của người kê khai: 110.000.000 đồng
 - Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 36.000.000 đồng
 - Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**
 - Tổng các khoản thu nhập chung: **Không**

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy			

đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			
		+146.000.000đ	- Thu nhập của người kê khai: 110.000.000 đ - Thu nhập của chồng: 36.000.000đ

Long Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Nông Thị Kim Quy
 CHUYÊN VIÊN PHÒNG NỘI VỤ QUẬN LONG BIÊN

Long Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Vũ Thị Kiều Anh

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 01 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **TRƯƠNG THỊ DIU**; Ngày tháng năm sinh: **03/10/1985**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Kế toán**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Giang Biên.**
- Nơi thường trú: **Tổ 5, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **033185000397**

Ngày cấp: **18/4/2021**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN MẠNH LONG**; Ngày tháng năm sinh: **09/4/1979**
- Nghề nghiệp: **Thanh tra xây dựng**
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: **UBND phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Nơi thường trú: **Tổ 5, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **001079010034**

Ngày cấp: **19/6/2021;**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Nguyễn Khánh Huyền**; Ngày tháng năm sinh: **04/9/2007**
- Nơi thường trú: **Tổ 5, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001307050337**

Ngày cấp: **01/11/2021;**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **Nguyễn Huyền Linh**; Ngày tháng năm sinh: **28/7/2011**

- Nơi thường trú: **Tổ 5, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **Không**

3.2. Con thứ ba:

- Họ và tên: **Nguyễn Nam Khánh;** Ngày tháng năm sinh: **17/3/2020**

- Nơi thường trú: **Tổ 5, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **Không**

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thừa nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: **Tổ 5, phường Giang Biên, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.**

- Diện tích: **180.8 m²**

- Giá trị⁽¹⁰⁾: **9.040.000.000 đồng (Chín tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng.)**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: **Số CL 343501 ; ngày cấp: 22/12/2017; Nơi cấp: Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội; Người đứng tên: Nguyễn Mạnh Long và Trương Thị Diệu.**

- Thông tin khác (nếu có): **Bố mẹ cho**

1.2. Các loại đất khác: ⁽¹³⁾ **Không**

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: **Số nhà 42, tổ 5, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Loại nhà: **Nhà ở riêng lẻ.**

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: **330m² (110m² x 3 tầng).**

- Giá trị⁽¹⁰⁾: **Không xác định được giá trị vì sử dụng đã lâu.**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Số CL 343501; Ngày cấp: 22/12/2017**
Nơi cấp: **Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội;** Người đứng tên: **Nguyễn Mạnh Long và Trương Thị Diệu.**

- Thông tin khác (nếu có): **Bố mẹ cho**

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾: **Không**

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: **Không**

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không**

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**

6.1. Cổ phiếu: **Không**

6.2. Trái phiếu: **Không**

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: **Không**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: **Không**

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 160.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 76.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 84.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**

- Tổng các khoản thu nhập chung: **Không**

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			

9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		+160.000.000đ	- Thu nhập của người kê khai: 76.000.000đ - Thu nhập của chồng: 84.000.000đ
---	--	---------------	--

Long Biên, ngày 01 tháng 11 năm 2023
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Nguyễn Thị Kim Quy
 CHUYÊN VIÊN PHÒNG NỘI VỤ QUẬN LONG BIÊN

Long Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2023
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Trương Thị Diệu